

Số: 22/2018/DS-PT

Ngày: 12/01/2018

V/v: Quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cúa

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 342/2017/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2017 về “*Quyền về lỗi đi qua*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn M, sinh năm 1960

- Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1990

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại tòa

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn M.
5. Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông H yêu cầu mở lại lối đi ngang 1,2 mét tại phần đất thuộc thửa số 106, tờ bản đồ 1, ấp T, xã T của hộ ông M có hiện trạng theo ông H chỉ đo đạc từ đầu lộ trừ 0,25 mét hướng đông đến cây dừa thứ ba ra 04 mét thì theo đường đi ông M đã chỉ đo đạc. Vì vào năm 2005, ông H mua phần đất phía trong đất hộ ông M nên có hỏi ông M mua đường đi này với giá 5.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay có người làm chứng. Trong giấy tay thể hiện thỏa thuận ông M bán cho ông H lối đi ngang 1,2 mét, dài khoảng 120 mét, vị trí giáp ranh đất Tư S trên bờ. Khi đó trên đất có cây trồng là dừa và các cây như khảo sát. Sau khi thỏa thuận xong hai bên có cùng đắp bờ nhưng chỉ đắp khúc không có đắp hết đường đi. Đến tháng 02/2017 thì ông H chở heo, hộ ông M không cho đi. Phần đường đi ông H chỉ đo không giống với đường đi thỏa thuận trước đây. Nay hộ ông M yêu cầu bồi thường giá trị sử dụng đất, ông H không đồng ý vì vào năm 2005 hai bên thỏa thuận giá trị đường đi là 5.000.000 đồng và cho đi vĩnh viễn. Phần cây trồng ông H không đốn. Từ cây dừa thứ 3 ra cách lộ là 2,2 mét. Trước đây phần phía giáp lộ đường đi là đường thẳng đến cây dừa thứ 3 mới đi cặp mé mương.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Vào năm 2005, ông M có cho ông H đi trên đất của ông với giá 5.000.000 đồng, vì khi đó ông H mua đất phía trong nên có hỏi ông M đường đi. Khi cho đi, hai bên thỏa thuận đường đi giáp đất Tư S nhưng trên bờ, đến những gốc dừa thì né qua, đường đi như ông M chỉ đo. Yêu cầu ông H bồi thường giá trị đường đi như kết quả định giá và nếu đốn những cây trồng trên đường đi thì phải hoàn giá trị cho ông M. Đối với đường đi ông M chỉ đo phần giáp đất ông H cho ra thêm 0,11 mét cho đủ 1,2 mét. Phần 5.000.000 đồng trước đây ông M đã nhận nay khấu trừ giá trị đường đi mà ông H đi 12 năm. Phần đất này của ông M được cha mẹ cho và được cấp sổ từ lâu nên không nhớ là cấp năm nào, cấp cho hộ. Khi ông M thỏa thuận cho ông H đi, các con ông M không biết. Phần mộ cách cây dừa thứ 3 1,5 mét. Ông M không đồng ý cho ông H đổ bê tông đường đi. Trước đây đường đi phía giáp lộ do ông M không có hàng rào nên để cho ông H đi hết bờ không có đường đi cụ thể.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Đ đồng ý với lời trình bày của ông M, khi ông M bán đường đi bà Đ không biết. Đến cách đây ba năm thì bà biết ông M cho ông H đi nhưng không biết ông M đã bán, đến khi phát sinh tranh chấp thì mới thấy giấy bán. Nay bà Đ

đồng ý cho ông H đi như kết quả ông M chỉ đo. Yêu cầu bồi thường như ông M đã yêu cầu. Không đồng ý cho đổ bê tông đường đi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ông L đồng ý với ý kiến của ông M và bà Đ. Nay ông L đồng ý cho ông H đi như kết quả ông M chỉ đo và yêu cầu bồi thường như ông M đã yêu cầu, không đồng ý cho ông H đổ bê tông trên đường đi. Bà L1 và ông M là cha mẹ của ông và ông bà đã sống ly thân. Hiện tại bà L1 sống cùng ấp với ông M. Bà L1 biết ông M bán đường đi cho ông H vào thời gian gần đây.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L1 có lời khai:

Bà L1 và ông M kết hôn vào năm 1988, sau khi kết hôn bà L1 sống với ông M. Phần đất yêu cầu quyền về lối đi có nguồn gốc là của cha mẹ ông M cho. Khi ông M bán cho ông H, bà L1 không biết do lúc đó bà L1 không có sống chung với ông M. Nay bà L1 đồng ý cho ông H đi trên đất theo ông M chỉ đo. Bà L1 yêu cầu ông H phải trả giá trị quyền sử dụng đất nhưng đồng ý trừ 5.000.000 đồng ông M đã nhận của ông H trước đây, về phần cây trồng thì yêu cầu ông H bồi thường. Nay ông M trình bày cắt hộ khẩu của bà L1 nên bà L1 không đồng ý.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn H.

Buộc bị đơn ông Trần Văn M, bà Phạm Thị L1, bà Trần Thị Ngọc Đ, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 149,8m², thửa số 106, tờ bản đồ số 1, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Bắc giáp thửa 84 dài 1,2 mét.

Đông giáp phần còn lại thửa 106 dài 29,41 mét + 1,57 mét + 1,76 mét + 17,96 mét + 6,8 mét + 54,62 mét + 11,11 mét + 1,81 mét + 1,62 mét.

Nam giáp lộ đàng dài 1,2 mét.

Tây giáp phần còn lại thửa 106 dài 29,93 mét + 1,57 mét + 1,76 mét + 17,96 mét + 6,8 mét + 54,62 mét + 11,11 mét + 1,81 mét + 1,63 mét.

Đường đi có chiều cao 03 mét.

(Có họa đồ kèm theo)

2. Ông Đỗ Văn H phải bồi thường cho ông Trần Văn M, bà Phạm Thị L1, bà Trần Thị Ngọc Đ, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L giá trị cây trồng là 2.250.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2017, ông Trần Văn M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa ông M trình bày: ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H phải có nghĩa vụ bồi thường lỗi đi cho gia đình ông. Gia đình ông đồng ý cho ông H đi trên lỗi đi cũ như thỏa thuận và ông H không phải bồi thường.

Ngày 13/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm do tòa sơ thẩm đánh giá chứng cứ không toàn diện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông M và xác định lại người phải chịu chi phí đo đạc, định giá theo quy định. Ngoài ra, bà Phạm Thị L1 không có tên trong hộ khẩu của ông M nhưng Tòa sơ thẩm buộc bà L1 cùng hộ gia đình ông M phải mở lỗi đi là không đúng.

Nguyên đơn ông H không đồng ý bồi thường giá trị đất theo yêu cầu của ông M và kháng nghị của Viện Kiểm sát. Ông cũng không đồng ý chịu hết chi phí tố tụng, đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm căn cứ vào “Tờ hợp đồng đường đi” để buộc hộ ông M mở lỗi đi nhưng không buộc ông H bồi thường giá trị đất cho hộ ông M là không phù hợp làm thiệt hại đến quyền và lợi ích của bị đơn. Bà L1 không có tên trong hộ khẩu của ông M nhưng tòa sơ thẩm buộc bà L1 cùng ông M mở lỗi đi là không đúng. Đồng thời án sơ thẩm cũng tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của H nhưng lại buộc ông H chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không đúng. Kháng cáo của ông M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ. Đề nghị, căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông M và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm buộc ông H bồi thường giá trị đất sau khi khấu trừ 5 triệu đồng, không buộc bà L1 cùng mở lỗi đi và không buộc ông H chịu hết chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Trần Văn M, kháng nghị của Viện Kiểm sát và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất ông H yêu cầu mở lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế là $164,3m^2$, thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M. Hiện do hộ ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Đỗ Văn H đang sử dụng làm lối đi. Ông H cho rằng vào năm 2005 ông có thỏa thuận mua đường đi của ông M với giá 5.000.000 đồng. Đến năm 2017 thì ông M cản trở không cho ông H sử dụng lối đi này nữa và ông M yêu cầu ông bồi thường giá trị quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý. Phía bị đơn thừa nhận vào năm 2005 có thỏa thuận cho ông H lối đi trên phần đất của bị đơn và hiện nay bị đơn vẫn đồng ý cho ông H đi trên lối đi theo như ông M chỉ đo. Đồng thời bị đơn yêu cầu ông H bồi hoàn giá trị đất cho gia đình ông.

[2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Tờ hợp đồng đường đi” ngày 19/10/2005 thể hiện ông M có thỏa thuận cho ông H một lối đi vĩnh viễn đi qua đất của ông M có chiều ngang 1,2 mét và chiều dài khoảng 120 mét để vào đất của ông H phía trong với giá là 5.000.000 đồng. Phía ông M cũng thừa nhận có sự thỏa thuận này và đồng ý mở lối đi cho ông H vào đất. Tuy nhiên, ông H và ông M chỉ đo mở lối đi không thống nhất. Theo đó, ông H chỉ đo lối đi từ lộ bê tông vào qua đất ông M là một đường thẳng có diện tích $164,3m^2$ không giống như thỏa thuận ban đầu. Còn lối đi ông M chỉ đo có diện tích $149,8m^2$, trên lối đi này có 03 cây dừa. Nếu mở lối đi theo như ông H chỉ đo sẽ làm thiệt hại đến cây trồng của ông M có trên lối đi này và lối đi ông M đồng ý mở cho ông H cũng thuận tiện cho ông H đi vào đất nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, buộc hộ ông M mở lối đi cho ông H theo ông M chỉ đo có diện tích $149,8m^2$ và ông H cũng đồng ý không có kháng cáo nội dung này. Để bảo vệ quyền lợi của ông M cần chấp nhận lối đi theo như ông M chỉ đo là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu của ông M yêu cầu ông H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho ông. Thấy rằng, lối đi ông M đã thỏa thuận cho ông H đi trên phần đất của ông M vào năm 2005 với giá là 5.000.000 đồng, ông M đã nhận đủ tiền thì xem như ông H đã đền bù tiền cho ông M để được sử dụng lối đi này và thực tế ông H cũng đã sử dụng lối đi này từ đó đến nay. Mặc dù, lối đi của ông H hiện nay không giống như thỏa thuận ban đầu nhưng việc ông H đi trên lối đi mới không làm ảnh hưởng đến cây trồng của ông M là nhằm bảo vệ quyền lợi của ông M. Do đó, ông M yêu cầu ông H bồi hoàn giá trị là không có cơ sở để chấp

nhận. Đồng thời kháng nghị của Viện kiểm sát yêu cầu ông H bồi hoàn giá trị đất cho ông M cũng không được chấp nhận.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng bà L1 không có tên trong hộ khẩu của ông M nhưng tòa sơ thẩm buộc bà L1 cùng các thành viên khác trong hộ ông M có trách nhiệm mở lối đi cho ông H là không có cơ sở. Căn cứ vào sổ hộ khẩu của ông M năm 1995 và năm 2007 thể hiện hộ ông M gồm có ông M chủ hộ và các con ông M là Trần Thị Ngọc Đ, Trần Thị Ngọc P và Trần Văn L, không có vợ ông M là bà Phạm Thị L1. Đối chiếu với bản khai nhân khẩu của ông M và giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú của hộ bà Nguyễn Thị L2 (mẹ ông M) do Công an huyện M cung cấp cũng không có tên bà L1 và bà L1 cũng đã trình bày bà không có sử dụng phần đất ông H yêu cầu mở lối đi. Do đó, Tòa sơ thẩm buộc bà L1 cùng các thành viên trong hộ ông M có trách nhiệm mở lối đi cho ông H là không phù hợp. Kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Đối với chi phí tố tụng: Tòa sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H nhưng lại buộc ông H chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đo đạc, định giá) với số tiền 1.284.000 đồng là không phù hợp với quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, trong vụ án này ông H và hộ ông M đều có lỗi nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng với số tiền là 642.000 đồng. Do ông H đã tạm ứng nộp xong nên cần buộc các bị đơn ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Ngọc Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông M số tiền này. Kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này là có căn cứ được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn H. Buộc bị đơn ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc Đ, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 149,8m², thuộc một phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Bắc giáp thửa 84 dài 1,2 mét.

Đông giáp phần còn lại thửa 106 dài 29,41 mét + 1,57 mét + 1,76 mét + 17,96 mét + 6,8 mét + 54,62 mét + 11,11 mét + 1,81 mét + 1,62 mét.

Nam giáp lộ đản dài 1,2 mét.

Tây giáp phần còn lại thửa 106 dài 29,93 mét + 1,57 mét + 1,76 mét + 17,96 mét + 6,8 mét + 54,62 mét + 11,11 mét + 1,81 mét + 1,63 mét.

Đường đi có chiều cao 03 mét.

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc hộ ông Trần Văn M sử dụng hạn chế diện tích đất mà hộ ông Đỗ Văn H sử dụng làm lối đi và buộc ông Đỗ Văn H thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật đất đai.

2. Buộc ông Đỗ Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc Đ, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L giá trị cây trồng trên đất là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Chi phí tố tụng tổng cộng là 1.284.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ là 642.000 đồng. Do ông Đỗ Văn H đã tạm ứng nộp xong nên buộc các bị đơn ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Ngọc Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 642.000đ (Sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn M, bà Trần Thị Ngọc P, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Ngọc Đ phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Ông Đỗ Văn H phải chịu án phí bồi thường giá trị cây trồng số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0008426 ngày 27/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn M phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008781 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cửa